

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/2014/NQ-HĐND

Long An, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua đề án công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng,
huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3877/TTr-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh về việc thông qua đề án đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng Nhân dân tỉnh thống nhất Đề án công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV (đính kèm Đề án).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách để điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Xây dựng xem xét, công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An là đô thị loại IV và báo cáo kết quả với Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Hội đồng Nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Long An khóa VIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ QH (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TP.HCM) (b/c);
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN
THỊ TRẤN CẦN GIUỘC MỞ RỘNG
HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN
ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI IV

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 175/2014/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

Long An, ngày 11 tháng 12 năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN THỊ TRẤN CẦN GIUỘC MỞ RỘNG,
HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN
ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI IV**

A. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ ÁN (gửi ra Bộ Xây dựng):

I. Tờ trình, Nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền:

- Tờ trình UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng;
- Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua đề án “*Đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV*”;
- Văn bản báo cáo nội dung Đề án “*Đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV*” của Sở Xây dựng;
- Nghị quyết HĐND huyện thông qua đề án “*Đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV*”.

II. Đề án:

a. Phần thuyết minh Đề án:

- Lý do và sự cần thiết
- Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển
- Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị thị trấn Cần Giuộc mở rộng
- Tổng hợp đánh giá phân loại theo các tiêu chuẩn của đô thị loại IV
- Tóm tắt chương trình phát triển thị trấn Cần Giuộc mở rộng
- Kết luận và kiến nghị

b. Các Phụ lục:

- Các bảng biểu số liệu liên quan
- Các văn bản pháp lý
- Các bản vẽ

c. Đĩa Film về tình hình phát triển đô thị của thành phố (thời lượng 20-25 phút)

B. NỘI DUNG TÓM TẮT ĐỀ ÁN GỒM CÁC PHẦN:

- Căn cứ pháp lý
- Lý do và sự cần thiết
- Khái quát quá trình lịch sử, hình thành và phát triển
- Tổng hợp đánh giá phân loại theo các tiêu chuẩn của đô thị loại IV
- Tóm tắt chương trình phát triển đô thị (Phương hướng khắc phục những chỉ tiêu còn yếu)
- Kết luận và kiến nghị.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Thị trấn Cần Giuộc là thị trấn huyện lỵ của huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Nằm tại vị trí trung tâm có hệ thống giao thông thuận tiện, gần các quốc lộ 50, đường Nguyễn Thái Bình (đường bộ), sông Cần Giuộc, sông Trị Yên (đường thủy) thuận tiện liên hệ tới cửa sông Soài Rạp, quốc lộ 50 và các vùng lân cận, TP.Hồ Chí Minh. Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa- xã hội và an ninh quốc phòng của huyện Cần Giuộc, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của toàn huyện.

Thời gian qua thị trấn được các cấp lãnh đạo quan tâm đầu tư nâng cấp, nhựa hóa các tuyến đường, cống thoát nước, vỉa hè, xây dựng trường học, chợ, khu dân cư, các công trình di tích lịch sử... các khu phố đạt khu phố văn hóa cấp tỉnh, đã góp phần phát triển kinh tế- xã hội, từng bước xây dựng thị trấn xứng tầm là trung tâm kinh tế- văn hóa của huyện.

Thị trấn Cần Giuộc được đầu tư xây dựng thành trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Cần Giuộc, đồng thời đóng vai trò là đô thị hạt nhân của tiểu vùng phía Tây huyện Cần Giuộc, phát triển đô thị theo mô hình tập trung đa cực, lấy thị trấn Cần Giuộc là đô thị hạt nhân. Xây dựng hệ thống đô thị trên toàn vùng, liên kết, hỗ trợ giữa các vùng đô thị, đặc biệt là vùng đô thị trung tâm, phát huy xứng đáng với vị thế trung tâm huyện Cần Giuộc và hướng tới vai trò đô thị trong vùng phát triển công nghiệp, là đầu mối giao thông đi liên vùng với các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh và là đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam TP Hồ Chí Minh.

Theo Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2025 được duyệt và trong định hướng xây dựng đô thị loại IV, thị trấn Cần Giuộc sẽ được mở rộng quy mô địa giới hành chính bao gồm toàn bộ diện tích và dân cư thị trấn Cần Giuộc, một phần các xã: Mỹ Lộc, Trường Bình và Tân Kim. Là khu vực đô thị hóa cao, thị trấn Cần Giuộc với quy mô, phạm vi mở rộng như trên đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại IV và tiến tới lên đô thị loại III trong tương lai.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cần Giuộc thành đô thị công nghiệp, đô thị trung tâm huyện, trung tâm kinh tế đối ngoại theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Cần Giuộc đến năm 2025, thị trấn Cần Giuộc và khu vực mở rộng sẽ có vai trò động lực và được định hướng phát triển trong mối quan hệ tương hỗ, phát huy tổng thể tiềm năng của toàn huyện. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự đồng tình ủng hộ của chính quyền nhân dân tỉnh Long An và huyện Cần Giuộc, Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ huyện Cần Giuộc lần thứ X đã quyết tâm thực hiện mục tiêu đến năm 2015, thị trấn Cần Giuộc mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và dự kiến từ sau năm 2015 sẽ hướng tới đạt đô thị loại III. Đây là một chương trình hành động trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Long An nói chung và huyện Cần Giuộc, thị trấn Cần Giuộc mở rộng nói riêng.

Với sự phát triển nhanh, bền vững về kinh tế- xã hội, không gian đô thị được mở rộng, tốc độ đô thị hóa cao, kết cấu hạ tầng được đầu tư nâng cấp đáng kể. Việc nâng cấp thị trấn Cần Giuộc mở rộng lên đô thị loại IV cũng hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của Quốc gia theo Quyết định 1659/QĐ- TTg phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012- 2020, xác định thị trấn Cần Giuộc là đô thị loại IV giai đoạn 2012- 2015.

Qua thực tiễn cho thấy, việc nâng cấp các đô thị tương xứng với vị trí và tiềm năng sẽ trở thành tiền đề và động lực cho giai đoạn sau phát triển mạnh mẽ hơn giai đoạn trước. Việc nâng cấp thị trấn Cần Giuộc và khu vực mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV còn tạo cho huyện Cần Giuộc thế và lực mới trong xu thế hội nhập, góp phần tích cực đến sự phát triển của tỉnh Long An, của vùng đồng bằng Sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, kết cấu hạ tầng đô thị của khu vực thị trấn Cần Giuộc mở rộng đã cơ bản hoàn thiện đồng bộ, chất lượng đời sống của người dân được nâng cao, diện mạo đô thị ngày càng khang trang và thị trấn Cần Giuộc mở rộng đã thể hiện rõ vai trò, chức năng tương xứng với các chỉ tiêu của đô thị loại IV. Đối chiếu với các tiêu chuẩn của đô thị loại IV, thị trấn Cần Giuộc mở rộng đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết.

Việc đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV là rất cần thiết, đáp ứng được chương trình phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn toàn tỉnh Long An, phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của quốc gia và của tỉnh, phản ánh đầy đủ quá trình phát triển và vai trò của thị trấn Cần Giuộc mở rộng, đồng thời còn là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân tỉnh Long An và huyện Cần Giuộc sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu. Tên gọi đô thị Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc trong tương lai sẽ là niềm tự hào, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ và các tầng lớp nhân dân quyết tâm xây dựng quê hương giàu mạnh hơn nữa, xứng tầm với vị thế của đô thị trong giai đoạn phát triển mới.

III. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ, HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Cần Giuộc là một huyện của tỉnh Long An, nằm ở vành đai của vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam. Là cửa ngõ của Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long qua Quốc lộ 50, có hệ thống đường thủy thông thương với các tỉnh phía Nam và biển Đông qua cửa sông Soài Rạp.

Huyện Cần Giuộc có 16 xã và Thị trấn Cần Giuộc. Thị trấn Cần Giuộc được hình thành khá lâu. Lịch sử phát triển của Thị trấn Cần Giuộc gắn với truyền thống đoàn kết, nhân hậu, cần cù lao động. Đặc biệt là truyền thống yêu nước, cách mạng, với nhiều sự kiện lịch sử và thành tích đáng tự hào trong quá trình đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

Ngày 09/11/1864 lần đầu tiên tên Cần Giuộc xuất hiện với tư cách là một đơn vị hành chính cấp huyện. Lúc đó vùng đất Thị trấn Cần Giuộc thuộc xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc. Năm 1957, huyện Cần Giuộc được đổi tên thành huyện Thanh Đức, Thị trấn Cần Giuộc vẫn còn thuộc xã Trường Bình, huyện Thanh Đức. Đến năm 1963 huyện lấy lại tên cũ là Cần Giuộc, vùng đất thị trấn Cần Giuộc bao gồm 3 ấp: ấp Chợ 1, ấp Chợ 2, ấp Chợ 3, vẫn thuộc xã Trường Bình. Đến tháng 06/1976, ấp Chợ 1, ấp Chợ 2, ấp Chợ 3 và một phần ấp Hòa Thuận I được tách ra để thành lập thị trấn Cần Giuộc thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Từ năm 1976 đến năm 1985, Đảng bộ và nhân dân Thị trấn Cần Giuộc cùng với cả nước bắt tay vào nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, chăm lo sự nghiệp văn hóa giáo dục.

Từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ Thị trấn Cần Giuộc dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Cần Giuộc cùng cả nước bước vào giai đoạn đổi mới, vượt qua các thời kỳ khủng hoảng kinh tế, xã hội, tạo bước chuyển biến mới trên nhiều lĩnh vực. Phát huy thế mạnh trên lĩnh vực thương mại, tài chính, tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ và nhân dân Thị trấn Cần Giuộc đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội, bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư ngày càng đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển, tạo tiền đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thu nhập bình quân ngày càng tăng trong, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Ngày nay, Đảng bộ và nhân dân thị trấn Cần Giuộc đã vượt qua nhiều khó khăn, nỗ lực phấn đấu giành thắng lợi tương đối toàn diện trên các lĩnh vực: Kinh tế tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp- xây dựng và thương mại- dịch vụ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng cải tạo, nâng cấp đặc biệt là hệ thống giao thông nội ô, điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị có bước phát triển vượt trội. Nhiều công trình di tích lịch sử được bảo vệ và tôn tạo, các công trình với kiến trúc mới được hình thành. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao được duy trì và phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Thị trấn được nâng lên, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, bộ mặt của thị trấn có nhiều thay đổi, góp phần tích cực vào thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện, Tỉnh và vùng Đông bằng Sông Cửu Long.

IV. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI THEO CÁC TIÊU CHUẨN CỦA ĐÔ THỊ LOẠI IV:

Đánh giá phân loại thị trấn Cần Giuộc mở rộng

- Căn cứ đánh giá, phân loại đô thị

Trên cơ sở hiện trạng và các số liệu quản lý của các cơ quan chuyên môn nhằm xây dựng phát triển đô thị thị trấn Cần Giuộc mở rộng (tính đến ngày 31/12/2013), các cơ quan chuyên môn liên quan của huyện Cần Giuộc, các Sở ngành liên quan của Tỉnh Long An cùng tiến hành tổng hợp, phân tích số liệu và đối chiếu với các quy định tại điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/09/2009 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP để so sánh, đánh giá điểm theo 6 tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại IV.

- Phương pháp tính điểm:

Điểm số để đánh giá, phân loại đô thị được cụ thể hóa bằng 6 tiêu chuẩn và 49 chỉ tiêu quy định tại Thông tư số 34/2009/TT-BXD. Các chỉ tiêu nằm trong khoảng giữa của mức quy định tối đa - tối thiểu thì điểm số được tính theo phương pháp nội suy giữa điểm số tối đa và điểm số tối thiểu. Nếu các chỉ tiêu vượt quá mức quy định tối đa thì điểm số được tính bằng điểm số tối đa, nếu các chỉ tiêu không đạt mức quy định tối thiểu thì điểm số tính bằng 0 điểm.

Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị (Đạt 12,94/15 điểm)

a) Tiêu chuẩn về vị trí và tính chất của đô thị: (Đạt 4,5/5 điểm)

Thị trấn Cần Giuộc mở rộng là thị trấn huyện lỵ, là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện Cần Giuộc, ngoài ra thị trấn Cần Giuộc mở rộng còn là một trong những đầu mối giao thông quan trọng về đường thủy, đường bộ, quốc gia, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và TP Hồ Chí Minh.

b) Tiêu chuẩn kinh tế - xã hội: (Đạt 8,44/10 điểm)

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Cần Giuộc mở rộng năm 2013 đạt: 23,652 tỷ đồng (Biểu 4). Đánh giá đạt: 1,44/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại IV tối thiểu từ 21 tỷ đồng)

- Cân đối thu chi ngân sách năm 2013 trên địa bàn thị trấn: Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Cần Giuộc mở rộng năm 2013 đạt: 23,652 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là: 15,649 tỷ đồng. Do đó cân đối thu chi ngân sách là Cân đối dư (Biểu 4). Đánh giá đạt tối đa: 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV: cân đối dư).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 54,17 triệu VNĐ/người, bằng 2.579,5 USD/người (Biểu 1), như vậy bằng 1,32 lần so với cả nước. Đánh giá đạt tối đa: 2/2 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại IV gấp 0,5 đến trên 0,7 lần so với cả nước)

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất: Tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thị trấn Cần Giuộc mở rộng năm 2011 là 16,15%, năm 2012 là 35,055% và năm 2013 là 17,455% (Biểu 1). Do đó, tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm 2011, 2012 và 2013 là 22,89%; Đánh giá đạt tối đa: 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV $\geq 5,5\%$).

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn thị trấn mở rộng năm 2013 là 2,44%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực dân cư tập trung là 2,51% (Biểu 5). Đánh giá đạt tối đa: 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV $\leq 15\%$).

- Tỷ lệ tăng dân số năm 2013: 2,94%. trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,458% (Biểu 1). Đánh giá đạt: 0/1 điểm. (Yêu cầu của đô thị loại IV đạt từ 1,3% đến trên 1,4 %. Nhưng tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của đô thị cao hơn so với mức quy định về tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của quốc gia là 1% nên không đạt điểm).

Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số đô thị (Đạt 6,26/10 điểm)

- Tổng dân số toàn đô thị đã bao gồm dân số quy đổi là 42.556 người. Đánh giá đạt: 0/2 điểm.

- Dân số khu vực tập trung dân cư đã bao gồm dân số quy đổi của thị trấn là: 23.059 người. Đánh giá đạt: 2,89/4 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 20.000÷60.000 người)

- Tỷ lệ đô thị hoá của thị trấn Cần Giuộc mở rộng sẽ là: 54,18%. Đánh giá đạt: 3,37/ 4 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 40-70%).

Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số (Đạt 5/5 điểm)

- Mật độ dân số khu vực tập trung dân cư là: 7.695 người/km². Đánh giá đạt tối đa: 5/5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 4000 đến trên 6.000 người/km²).

Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Đạt 5/5 điểm)

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực tập trung dân cư thị trấn Cần Giuộc mở rộng năm 2013 là : 76,43 %.

Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị (Đạt 46,26 /55 điểm)

a) Tiêu chuẩn về nhà ở: (Đạt 8,55/10 điểm)

- Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực tập trung dân cư thị trấn Cần Giuộc mở rộng là: 12,09 (m² sàn/người).

Đạt 3,55/5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 12 đến trên 15 m² sàn/người).

- Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực tập trung dân cư là : 76,20 %. Đạt tối đa 5/5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 55 đến trên 65%).

b) Tiêu chuẩn về công trình công cộng cấp đô thị: (Đạt 8,95/10 điểm)

- Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở là: 1,06 m²/người. Đạt 1,06/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 1 đến trên 1,5 m²/người).

- Chỉ tiêu đất dân dụng là: 77,72 m²/người. Đạt 1,49/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 61 đến trên 78 m²/người).

- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị là: 10,31 m²/người. Đạt tối đa: 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 3 đến trên 4 m²/người).

- Cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu, bệnh viện đa khoa- chuyên khoa các cấp): bình quân: 5,42 giường/1000 dân. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 1,5 đến trên 2 giường/1000 dân).

- Cơ sở giáo dục đào tạo (Đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề : 4 cơ sở. Do đó, đạt 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 2 đến trên 4 cơ sở).

- Trung tâm văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hoá): 02 công trình bao gồm: Trung tâm văn hoá huyện Cần Giuộc và 01 nhà trưng bày. Do đó, đạt 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 2 đến trên 4 công trình).

- Trung tâm thể dục thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ): 01 sân bóng đá với diện tích 11.995 m², 01 khu hồ bơi (10.602 m²) và 01 câu lạc bộ thể hình để phục vụ nhu cầu thể dục thể thao của nhân dân. Do đó, đạt tối đa: 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 2 đến trên 3 công trình).

- Trung tâm thương mại- dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hoá): 02 công trình, trong đó có Chợ Cần Giuộc, Trung tâm thương mại Mỹ Định. Do đó, đạt 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 2 đến trên 4 công trình).

c) Tiêu chuẩn hệ thống giao thông: (Đạt 8,32/10 điểm)

- Đầu mối giao thông (Cảng hàng không- sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách): Thị trấn Cần Giuộc mở rộng được xác định là đầu mối giao thông cấp tiểu vùng phía Đông Nam của tỉnh Long An, có QL.50 chạy qua thị trấn nối liền cửa ngõ TP.Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, từ Biển Đông qua cửa sông Soài Rạp và hệ thống đường thủy thông thương với các tỉnh phía nam, đồng thời nối liền với một số trung tâm của các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Long An bởi hệ thống quốc lộ và tỉnh lộ. Do đó, đánh giá đạt 1,4/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng)

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực tập trung dân cư so với đất xây dựng trong khu vực tập trung dân cư là: 15,07 %. Đánh giá đạt 1,77/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 12 đến trên 17%).

- Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đô $\geq 11,5\text{m}$) là: $6,06 \text{ km/km}^2$. Đạt 1,42/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 6 đến trên 8 km/km^2).

- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng: 4,09%, Đánh giá đạt 1,73/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 3 đến trên 5%).

- Diện tích đất giao thông/ dân số khu vực tập trung dân cư: $10,45 \text{ m}^2/\text{người}$. Đạt tối đa 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 7 đến trên 9 km/km^2).

d) Tiêu chuẩn về cấp nước: (Đạt 5/5 điểm)

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực tập trung dân cư 169,98 (lít/người/ngày.đêm). Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 90 đến trên 100 lít/người/ngày.đêm).

- Tỷ lệ dân số khu vực tập trung dân cư được cấp nước sạch (%): 67,05%. Đạt tối đa 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 55 đến trên 65%).

- Tỷ lệ nước thất thoát: 13,70%. Đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 25 đến dưới 20%).

e) Tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước: (Đạt 4/6 điểm)

- Mật độ đường cống thoát nước là $3,93 \text{ km/km}^2$. Đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 3 đến trên $3,5 \text{ km/km}^2$).

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý: Tại các khu dân cư, nước thải sinh hoạt từ các nhà dân và các công trình công cộng chủ yếu là được thu gom và xử lý cơ bản bằng hệ thống bể tự hoại có ngăn lắng, lọc trước khi cho tự thấm xuống đất. Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu vực dân cư tập trung thấp, đạt 12% do có khu đô thị Việt Hóa có hệ thống xử lý nước thải. Do đó, không đạt điểm : 0/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 20 đến trên 35%).

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải: Hiện nay 100% các cơ sở sản xuất khi xin cấp phép đầu tư xây dựng mới tại địa bàn thị trấn đều đảm bảo có biện pháp xử lý nước thải và tuân thủ các quy định về xử lý nước thải. Do đó, Đạt tối đa 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 60 đến 80%).

g) Tiêu chuẩn về hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng: (Đạt 3,79/4 điểm)

- Chỉ tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt khu vực tập trung dân cư : 495,32 kwh/ng/năm. Đạt 1,98/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 350 đến trên 500 kwh/ng/năm).

- Tỷ lệ đường phố chính khu vực tập trung dân cư được chiếu sáng: 95,81%. Đạt 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 90 đến trên 95%).

- Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng: 57%. Đạt 0,81/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 50 đến 70%).

h) Tiêu chuẩn về hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông: (Đạt 2/2 điểm)

- Số thuê bao điện thoại bình quân/ số dân (máy/100 dân): 20,09 máy/100 dân. Đạt: 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 8 đến 14 máy/100 dân).

i) Tiêu chuẩn về cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ: (Đạt 5,65/8 điểm)

- Đất cây xanh toàn đô thị ($\text{m}^2/\text{người}$): $3,81 \text{ m}^2/\text{người}$. Đạt 0,0/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 5 đến trên $7 \text{ m}^2/\text{người}$).

- Đất cây xanh công cộng khu vực tập trung dân cư là: 4,41 m²/người. Đạt mức tiêu chuẩn quy định, do đó đánh giá đạt tối thiểu 1,65/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 4 đến trên 5 m²/người).

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực tập trung dân cư được thu gom: 85%. Đạt tối đa 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 70 đến trên 80%).

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực tập trung dân cư được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt): 85% (Tuy nhiên, chủ yếu là vận chuyển bằng phương tiện cơ giới và công nghệ xử lý chính là vận chuyển đến khu vực chôn lấp, chưa được phân loại và xử lý bằng công nghệ cao).

Do đó, đánh giá đạt tối đa 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 65 đến trên 70%).

- Số nhà tang lễ khu vực nội thị: Trên địa bàn thị trấn hiện nay chưa có nhà tang lễ, tuy nhiên đã có dự án và đang triển khai xây dựng khu nghĩa trang tại xã Tân Kim (do Công ty TNHH Thiên đường Sài Gòn làm chủ đầu tư).

- Do đó, đánh giá không đạt điểm 0/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 1 đến trên 2 nhà tang lễ).

Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 9,36/10 điểm)

- Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Trên địa bàn thị trấn đã xây dựng quy chế từng khu vực, đang triển khai thực hiện tốt. Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV là: Đã có quy chế, thực hiện chưa đạt hoặc đã có quy chế, thực hiện tốt theo quy chế).

- Khu đô thị mới (khu): 02 khu đô thị mới (Khu đô thị số 2 với quy mô 91ha, dự kiến đầu tư xây dựng vào năm 2015 và Khu đô thị số 3 với quy mô 94 ha, dự kiến đầu tư xây dựng vào năm 2017). Do đó, đánh giá đạt tối đa 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV là Có khu QH chung đô thị được duyệt hoặc có dự án).

- Khu cải tạo chỉnh trang đô thị (khu): các khu ở tại các Khối hiện hữu của thị trấn thời gian tới sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư cải tạo chỉnh trang để góp phần làm thay đổi diện mạo của đô thị cũng như nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Do đó, đánh giá đạt tối đa 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV là có khu QH chung đô thị được duyệt hoặc có dự án).

- Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính khu vực tập trung dân cư: 14,29%. Đạt 1,66/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 10 đến trên 20%).

- Số lượng không gian công cộng của đô thị: 4 khu: khu công viên Nguyễn Thị Bảy, khu tượng đài Nghĩa sĩ Cần giuộc và công viên khu dân cư Việt Hóa, công viên Nguyễn Thái Bình. Đánh giá đạt 2/2 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 2 đến trên 4 khu).

- Công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá lịch sử, di sản: 02 di tích văn hoá lịch sử, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp địa phương công nhận. Di tích lịch sử cấp tỉnh: Khu vực sân banh Cần Giuộc (nay là công viên Nguyễn Thị Bảy) và Ngã ba Mũi tàu (nay là vòng xoay ngã 5 Mũi tàu). Do đó, đánh giá đạt 0,7/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV: Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp tại địa phương công nhận hoặc Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hội nghề nghiệp hoặc các tổ chức quốc tế công nhận đạt cấp Quốc tế/ Quốc gia).

- Tỷ lệ các công trình di sản, văn hoá lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (%): 50%. Đánh giá đạt tối đa 1/1 điểm (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 30 đến 40%).

Căn cứ các tiêu chuẩn về phân loại đô thị của Chính phủ, Bộ Xây dựng, thị trấn Cần Giuộc mở rộng đã cơ bản đạt được các tiêu chuẩn của đô thị loại IV, tổng số điểm theo các tiêu chuẩn phân loại đô thị của thị trấn Cần Giuộc mở rộng đạt **84,82 điểm** (Khung điểm quy định từ 70-100 điểm), đủ điều kiện cần thiết để đề nghị công nhận thị trấn Cần Giuộc mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI IV

TT	CÁC YẾU TỐ ĐÁNH GIÁ	THANG ĐIỂM TỐI ĐA	TỔNG ĐIỂM ĐẠT
I	Chức năng đô thị	15	12,94
1	Vị trí và tính chất của đô thị	5,0	4,50
2	Kinh tế xã hội của đô thị	10	8,44
II	Quy mô dân số toàn đô thị	10	6,26
1	Dân số toàn đô thị	2,0	0,00
2	Dân số nội thị	4,0	2,89
3	Tỷ lệ đô thị hoá	4,0	3,37
III	Mật độ dân số	5,0	5,00
1	Mật độ dân số	5,0	5,00
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	5,0	5,00
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	5,0	5,00
V	Hệ thống công trình hạ tầng đô thị	55	46,26
1	Nhà ở	10	8,55
2	Công trình công cộng cấp đô thị	10	8,95
3	Hệ thống Giao thông	10	8,32
4	Hệ thống Cấp nước	5,0	5,00
5	Hệ thống Thoát nước	6,0	4,00
6	Hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng công cộng	4,0	3,79
7	Hệ thống Thông tin, bưu chính viễn thông	2,0	2,00
8	Cây xanh, thu gom xử lý chất thải và nhà tang lễ	8	5,65
VI	Kiến trúc cảnh quan đô thị	10	9,36
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	2,0	2,00
2	Khu đô thị mới	2,0	2,00
3	Tuyến phố văn minh đô thị	2,0	1,66
4	Không gian công cộng	2,0	2,00
5	Tổ hợp kiến trúc, công trình kiến trúc tiêu biểu	2,0	1,70
Tổng cộng		100	84,82

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Thông qua việc đánh giá, các chỉ tiêu về hạ tầng đô thị của thị trấn Cần Giuộc mở rộng được phân loại kết quả các nhóm chỉ tiêu đạt cơ bản như sau:

a. Nhóm chỉ tiêu đã đạt và vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định, có tổng số 25 chỉ tiêu.

b. Nhóm chỉ tiêu đạt trên mức điểm tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa, có tổng số 19 chỉ tiêu.

c. Nhóm chỉ tiêu chưa đạt điểm (đạt 0 điểm) có tổng số 05 chỉ tiêu, bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Mức tăng dân số hàng năm.
- Dân số toàn đô thị.
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý.
- Đất cây xanh toàn đô thị.
- Số nhà tang lễ khu vực nội thị.

Một số giải pháp thực hiện khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt điểm tối đa và chỉ tiêu chưa đạt điểm.

a. Giải pháp chung:

- **Giai đoạn 2014- 2016:** Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đối với nhóm các chỉ tiêu chưa đạt điểm nhằm khắc phục và hoàn thiện cơ bản về hạ tầng đô thị, đồng thời tiếp tục hoàn thiện đối với nhóm chỉ tiêu đã đạt điểm trên mức tối thiểu quy định nhưng chưa đạt được điểm tối đa; tập trung triển khai xây dựng một số công trình trọng điểm, có sức lan tỏa lớn để tạo sự đột phá, tạo điểm nhấn ấn tượng và tăng cường sự chuyển biến về chất lượng đô thị theo các tiêu chí. Theo đó, cấp ủy, chính quyền huyện cần tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và các tổ chức trong và ngoài nước; tích cực áp dụng các biện pháp huy động nội lực, huy động vốn tối đa từ các thành phần kinh tế xây dựng hạ tầng; tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ không gian kiến trúc, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội; làm tốt công tác chỉnh trang đô thị cũ đi đôi với hoàn thiện hạ tầng, trật tự đô thị.

- **Giai đoạn 2016- 2020:** Tiếp tục hoàn thiện đối với tất cả các nhóm chỉ tiêu nhằm phát triển đô thị một cách toàn diện và nâng cao chất lượng đô thị; phấn đấu đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đảm bảo tất cả các chỉ tiêu đều đạt và vượt mức tối đa theo các tiêu chuẩn quy định về phân loại đô thị.

b. Giải pháp cụ thể cho nhóm chỉ tiêu chưa đạt điểm (đạt 0 điểm):

*** Đối với chỉ tiêu Mức tăng dân số hàng năm, chỉ tiêu Dân số toàn đô thị:**

- Khu vực đô thị thị trấn Cần Giuộc thuộc huyện Cần Giuộc là vùng phát triển kinh tế trọng điểm tỉnh Long An, có nhiều khu, cụm công nghiệp trên địa bàn sẽ thu hút nhiều lao động và người dân đến sinh sống, làm việc trên địa bàn. Như vậy, chỉ tiêu mật độ dân số sẽ tăng theo tốc độ phát triển kinh tế- xã hội và đô thị hoá.

- Những năm gần đây, các ngành kinh tế của thị trấn mở rộng tiếp tục có mức tăng trưởng ổn định, đặc biệt trong các lĩnh vực Dịch vụ, Công nghiệp, Nông lâm nghiệp. Mặt khác, Huyện đã thực hiện các chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp như: miễn, giảm, giãn thuế, tiền thuê đất...tạo điều kiện thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Với những lợi thế này, Thị trấn Cần Giuộc mở rộng sẽ thu hút được nhiều nhân lực, lao động, sinh viên, khách du lịch... Do đó tỷ lệ tăng dân số cơ học những năm tới là rất khả quan và có cơ sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc chấp hành chủ trương, chính sách về công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình; thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông phù hợp với đặc điểm, tình hình từng địa phương, từng nhóm đối tượng để duy trì mức sinh hợp lý, ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tổng hợp và khảo sát dự án vay vốn giải quyết việc làm; Phối hợp với các Trung tâm, trường nghề tiếp tục tổ chức khai giảng các lớp học nghề cho học viên tham gia. Đôn đốc các Chương trình giảm nghèo, Chương trình Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Chương trình công tác năm của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ thành phố, Chương trình dạy nghề- việc làm, đẩy mạnh công tác Y tế- Dân số, nâng cao công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, an sinh xã hội, bảo đảm quyền lợi, nâng cao chất lượng sống, sinh hoạt, làm việc, học tập cho người dân, người lao động, sinh viên... nhằm thu hút nhân lực về học nghề, làm việc, lưu trú tại địa bàn.

*** Đối với chỉ tiêu mật độ cây xanh toàn đô thị:**

- Hiện nay, trên địa bàn thị trấn mở rộng đã có 03 công viên, sẽ tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng công viên thị trấn;

- Phục hồi mỹ quan đô thị, tăng diện tích cây xanh và mặt nước;

- Duy trì việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sâu rộng trên tất cả các đối tượng.

- Đảm bảo thực hiện phát triển không gian xanh theo quy hoạch được duyệt.

*** Đối với chỉ tiêu Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý:**

- Các công trình xây dựng dân dụng phải có bể tự hoại xây dựng theo đúng quy cách, tiêu chuẩn.

- Tất cả các công trình phải nối cống trong nhà với mạng lưới thoát nước bên ngoài, không cho tình trạng nước chảy tràn trên mặt hoặc tự thấm. Thu gom xử lý nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư, nước thải sau trạm xử lý phải tuân thủ Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

- Đối với khu vực dân cư tập trung, phải xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy hoạch, nước thải phải đạt các quy định của Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường thiên nhiên.

- Đối với các khu vực mật độ dân cư thấp nước thải sinh hoạt xử lý theo mô hình phân tán bằng hệ thống xử lý cục bộ.

- Bổ sung hệ thống thoát nước bản cho các khu dân cư phát triển, xây dựng mới các đường thoát nước bản theo mạng lưới hạ tầng kỹ thuật phát triển đô thị.

- Cần có chính sách khuyến khích hỗ trợ như: Hỗ trợ kinh phí, xây dựng, cung cấp các thiết kế theo đúng mẫu tiêu chuẩn; khen thưởng tuyên dương các hộ thực hiện tốt...

*** Đối với chỉ tiêu Nhà tang lễ:**

- Xây dựng nhà tang lễ đô thị.

- Nghĩa trang nhân dân: Hiện tại đã có quy hoạch ngoài khu đô thị 02 nghĩa trang: Tân Kim và Trường Bình, xung quanh có khoảng cây xanh cách ly rộng từ 20-50m. Ngoài ra, người dân có thể lựa chọn các nghĩa trang khác trên địa bàn lân cận như: Phước Vĩnh Đông, Tân Tập, Phước Lại...